ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
Số: 634 /QĐ - ĐHKTCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Danh mục tên ngành, tên chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm toàn khóa tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ - BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bảng Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ Công văn số 1093/BGDĐT-GDĐH ngày 04 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện danh mục ngành đào tạo trình độ Cao đẳng, Đại học sau chuyển đổi;

Căn cứ theo Quyết định số 33/2007/QĐ – BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 22/2012/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế văn bằng, chứng chỉ;

Căn cứ Quyết định số 633 /QĐ – ĐHKTCN ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục tên ngành, tên chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm toàn khóa tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các hệ đào tạo đại học: chính quy, liên thông chính quy và vừa làm vừa học.

Điều 3. Ông trưởng phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TS. Trần Minh Đức

DANH MỤC

TÊN NGÀNH, TÊN CHUYÊN NGÀNH GHI TRÊN BẰNG TỐT NGHIỆP VÀ BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

I. ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN DẠY BẰNG TIẾNG ANH

TT	Mã ngành cấp IV	Ghi trên bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận TN	Ghi trên bảng điểm toàn khóa	Danh hiệu
1	52905218	**Kỹ thuật cơ khí** *Dạy bằng tiếng Anh*	**Ngành Kỹ thuật cơ khí** *Dạy bằng tiếng Anh*	Kỹ sư
2	52905228	**Kỹ thuật điện** *Dạy bằng tiếng Anh*	**Ngành Kỹ thuật điện** *Dạy bằng tiếng Anh*	Kỹ sư

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TS. Trần Minh Đức

DANH MỤC

TÊN NGÀNH, TÊN CHUYÊN NGÀNH GHI TRÊN BẰNG TỐT NGHIỆP VÀ BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

II. ĐỐI VỚI KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2011 TRỞ ĐI

TT	Mã ngành cấp IV	Ghi trên bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận TN	Ghi trên bảng điểm toàn khóa (hệ chính quy)	Danh hiệu
1. ĐÀO TẠO 05 NĂM CẤP BẰNG KỸ SƯ				
1	52520103	**Kỹ thuật cơ khí**	Chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí	Kỹ sư
2			Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy	Kỹ sư
3			Chuyên ngành Cơ khí động lực	Kỹ sư
4			Chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình	Kỹ sư
5	52520309	**Kỹ thuật vật liệu**	Ngành Kỹ thuật vật liệu	Kỹ sư
6	52520114	**Kỹ thuật Cơ – Điện tử**	Chuyên ngành Cơ điện tử	Kỹ sư
7	52520201	**Kỹ thuật điện, điện tử**	Chuyên ngành Kỹ thuật điện	Kỹ sư
8			Chuyên ngành Hệ thống điện	Kỹ sư
9			Chuyên ngành Thiết bị điện	Kỹ sư
10	52520216	**Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa**	Chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp	Kỹ sư
11			Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển	Kỹ sư
12	52520207	**Kỹ thuật điện tử, truyền thông**	Chuyên ngành Điện tử viễn thông	Kỹ sư
13			Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử	Kỹ sư
14	52520214	**Kỹ thuật máy tính**	Chuyên ngành Tin học công nghiệp	Kỹ sư
15	52520320	**Kỹ thuật môi trường**	Ngành Kỹ thuật môi trường	Kỹ sư
16	52580201	**Kỹ thuật công trình xây dựng**	Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Kỹ sư

17	52580205	**Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông**	Ngành Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	Kỹ sư
2. ĐÀO TẠO 04 NĂM CẤP BẰNG KỸ SƯ				
18	52510202	**Công nghệ chế tạo máy**	Chuyên ngành Công nghệ gia công cắt gọt	Kỹ sư
19	52510205	**Công nghệ kỹ thuật ô tô**	Chuyên ngành Công nghệ ô tô	Kỹ sư
20	52510301	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**	Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện	Kỹ sư
3. ĐÀO TẠO 05 NĂM CẤP BẰNG CỬ NHÂN				
21	52140214	**Sư phạm kỹ thuật công nghiệp**	Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Cơ khí	Cử nhân
22			Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện	Cử nhân
23			Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Tin học	Cử nhân
4. ĐÀO TẠO 04 NĂM CẤP BẰNG CỬ NHÂN				
24	52510604	**Kinh tế công nghiệp**	Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	Cử nhân
25			Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp	Cử nhân
26	52510601	**Quản lý công nghiệp**	Ngành Quản lý công nghiệp	Cử nhân

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Trần Minh Đức

DANH MỤC

TÊN NGÀNH, TÊN CHUYÊN NGÀNH GHI TRÊN BẰNG TỐT NGHIỆP VÀ BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số.634./QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

III. ĐỐI VỚI KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2010 TRỞ VỀ TRƯỚC

STT	Ngành, Mã ngành	Ghi trên bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận TN	Ghi trên bảng điểm toàn khóa (hệ chính quy)	Danh hiệu
1. ĐÀO TẠO 05 NĂM CẤP BẰNG KỸ SƯ				
1	52520103	**Kỹ thuật cơ khí**	Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí	Kỹ sư
2			Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy	Kỹ sư
3			Chuyên ngành Cơ khí Động lực	Kỹ sư
4			Chuyên ngành Cơ khí luyện kim cán thép	Kỹ sư
5			Chuyên ngành Cơ điện tử	Kỹ sư
6	52520202	**Kỹ thuật điện**	Chuyên ngành Kỹ thuật điện	Kỹ sư
7			Chuyên ngành Hệ thống điện	Kỹ sư
8			Chuyên ngành Thiết bị điện	Kỹ sư
9			Chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp	Kỹ sư
10	52520205	**Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá**	Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển	Kỹ sư
11	52520203	**Kỹ thuật điện tử**	Chuyên ngành Điện tử viễn thông	Kỹ sư
12			Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử	Kỹ sư
13	52520214	**Kỹ thuật máy tính**	Chuyên ngành Kỹ thuật phần cứng	Kỹ sư
14			Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm	Kỹ sư
15	52520320	**Kỹ thuật môi trường**	Ngành Kỹ thuật môi trường	Kỹ sư
16	52580208	**Kỹ thuật công trình xây dựng**	Chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình	Kỹ sư

2. ĐÀO TẠO 05 NĂM CẤP BẰNG CỬ NHÂN				
17	52140214	**Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp**	Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật cơ khí	Cử nhân
18			Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật điện	Cử nhân
19			Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật tin	Cử nhân
3. ĐÀO TẠO 04 NĂM CẤP BẰNG CỬ NHÂN				
20	52510601	**Quản lý công nghiệp**	Chuyên ngành Quản lý công nghiệp	Cử nhân
21			Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	Cử nhân
22			Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp	Cử nhân

Ghi chú: Đối với hệ đào tạo liên thông chính quy, trên bảng điểm cuối khóa ghi rõ "**Hệ đào tạo: Liên thông chính quy**".

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TS. Trần Minh Đức